

UBND PHƯỜNG MÓNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MÓNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 10 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 816 trẻ (Trung tâm: 434; Hải Đông: 382 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					14.295.000		7.589.500		6.705.500
1	cà chua	45.000	Kg	18	810.000	10	450.000	8	360.000
2	Hạt sen khô	200.000	Kg	0.2	40.000	0,1	20.000	0,1	20.000
3	Rau mùi	85.000	Kg	1.5	127.500	0,7	59.500	0,8	68.000
4	Mỡ lợn sống	50.000	Kg	2.6	130.000	1,5	75.000	1,1	55.000
5	Hành khô	60.000	Kg	0.7	42.000	0,4	24.000	0,3	18.000
6	Giò lụa	150.000	Kg	42	6.300.000	22	3.300.000	20	3.000.000
7	Tim lợn	370.000	Kg	1	370.000	0,4	148.000	0,6	222.000
8	Cải ngọt	35.000	Kg	24.2	847.000	13,5	472.500	10,7	374.500
9	Hành lá	45.000	Kg	2.3	103.500	1,3	58.500	1	45.000
10	Xương lợn	85.000	Kg	16	1.360.000	9	765.000	7	595.000
11	Vạng vò	30.000	Kg	24.5	735.000	13,5	405.000	11	330.000
12	Đỗ xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	0.5	25.000	0,2	10.000	0,3	15.000
13	Bún khô	45.000	Kg	17	765.000	9	405.000	8	360.000
14	Tôm nõn	220.000	Kg	4.5	990.000	2,6	572.000	1,9	418.000
15	Thịt ghe bóc nõn	550.000	Kg	3	1.650.000	1,5	825.000	1,5	825.000
Nhóm xuất kho					4.896.500		2.617.500		2.279.000
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	68	1.360.000	36,5	730.000	31,5	630.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	0.9	63.000	0,5	35.000	0,4	28.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0.9	13.500	0,5	7.500	0,4	6.000
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	4	240.000	2	120.000	2	120.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	14	3.220.000	7,5	1.725.000	6,5	1.495.000
Tổng chi					19.191.500		10.207.000		8.984.500
Tổng thu					19.192.320		10.207.680		8.984.640
Tồn ngày hôm trước					2.260		3.120		-860
Thừa (Thiếu)					3.080		3.800		-720

816	23.520
434	
382	

tổng	HY	HD	
820	680	140	